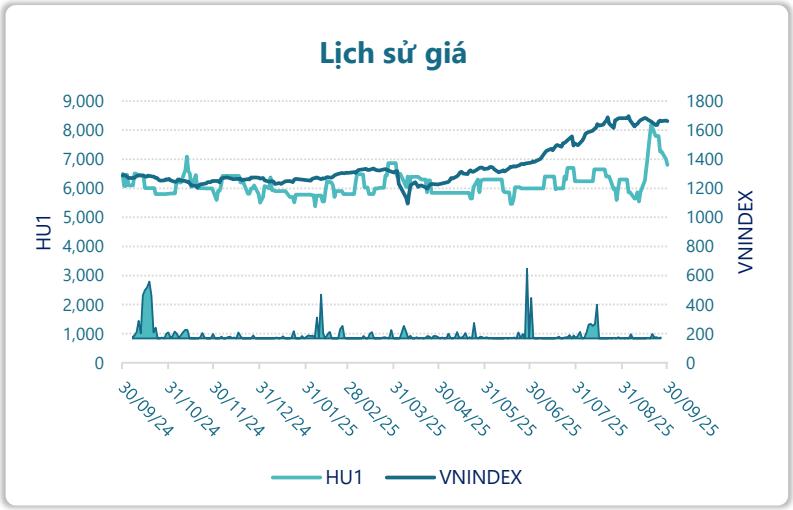
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HSX: HU1)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,190
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,380
SL cổ phiếu LH	10,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,850
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	68
P/E	10.9
EPS	622

DT thuần

Q3/25

119

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 8.5%

YoY: ▲ 84.2| 243%

LN sau thuế

Q3/25

3.12

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.01| 2739%

YoY: ▲ 2.87| 1149%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.2%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

9T 2025

235

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 130| 124%

LN sau thuế

9T 2025

3.26

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.88| 747%

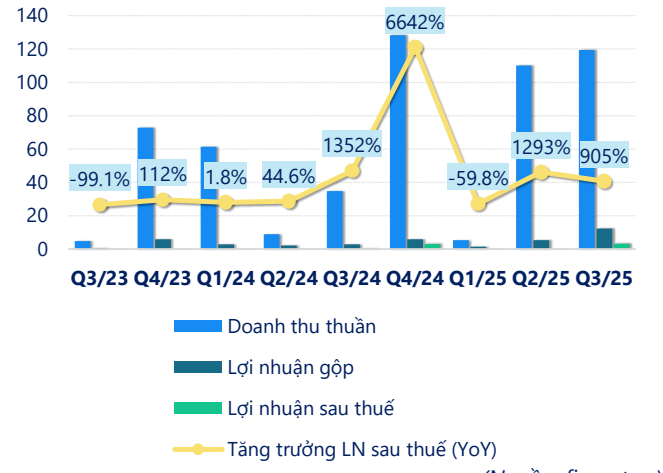
ROE

Q3/25

4.2%

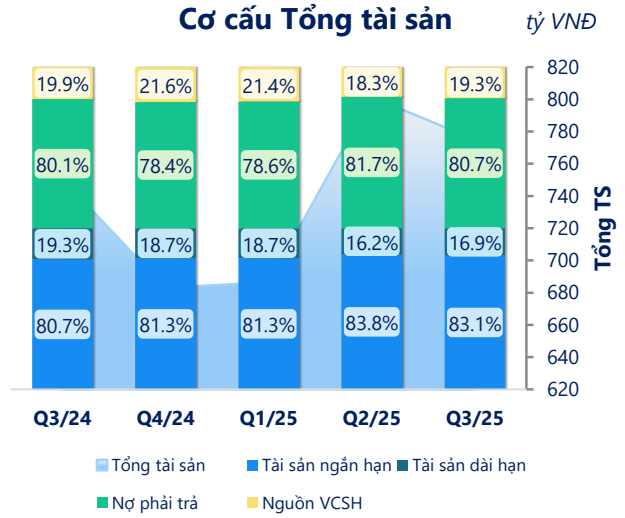
+/- YoY: ▲ 4.0%

Kết quả kinh doanh



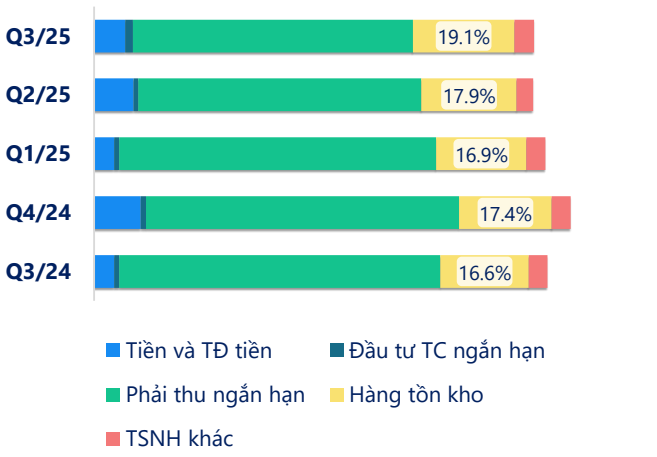
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



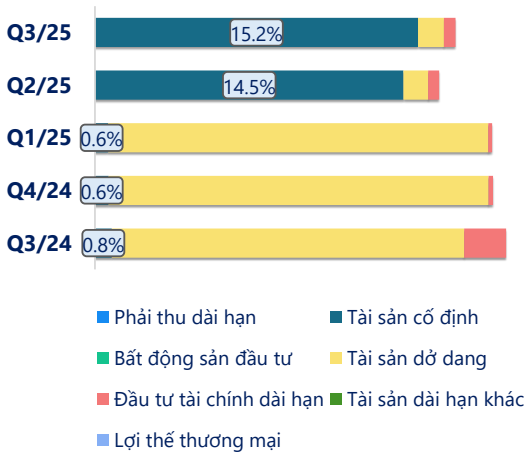
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



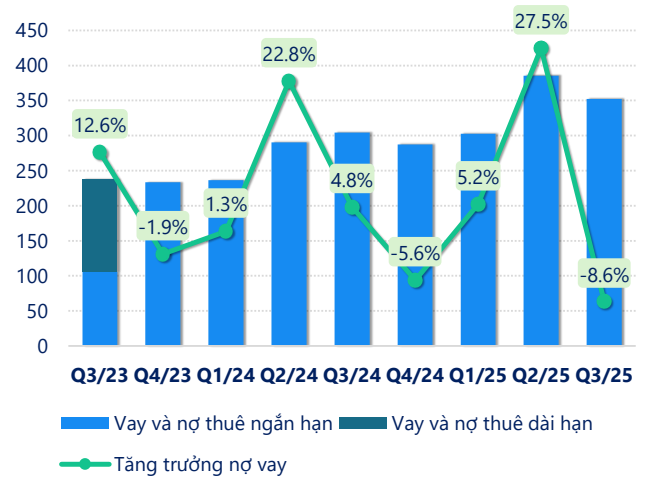
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



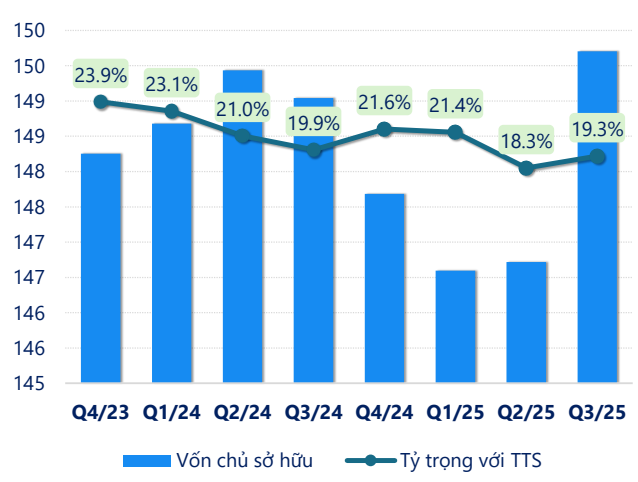
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



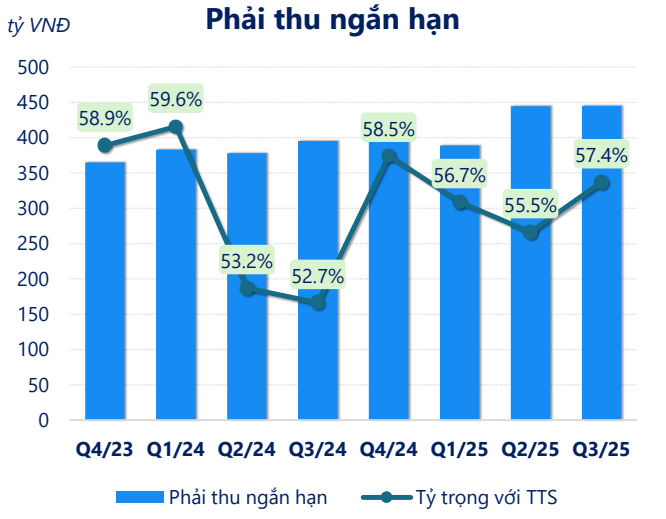
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



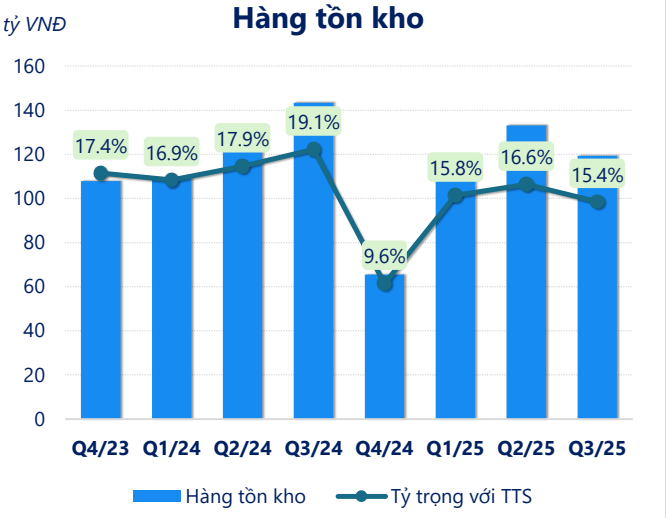
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



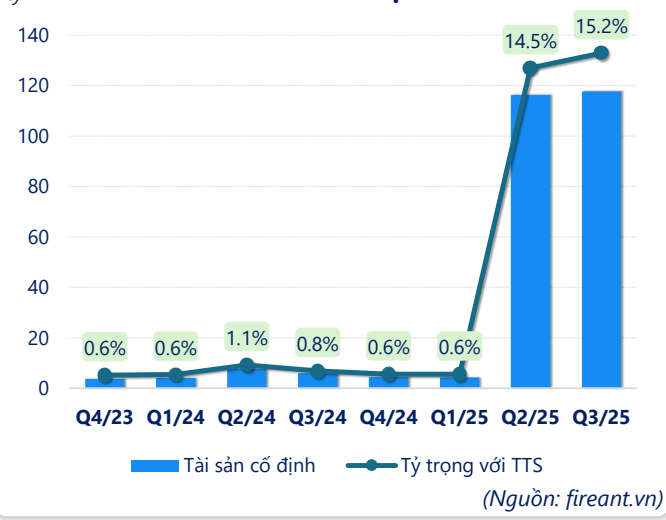
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



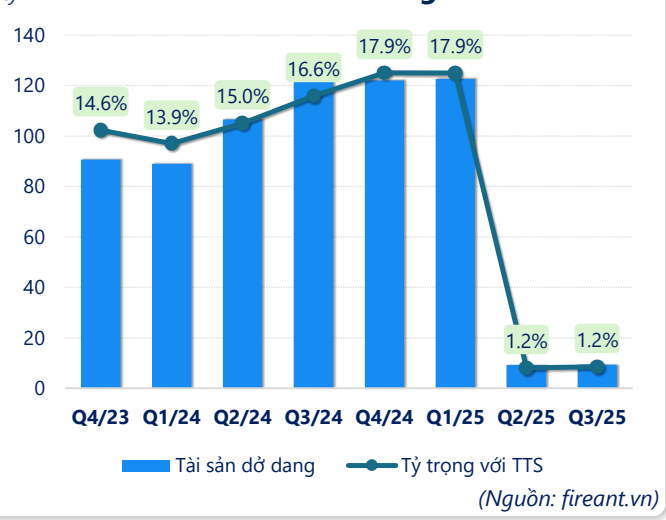
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



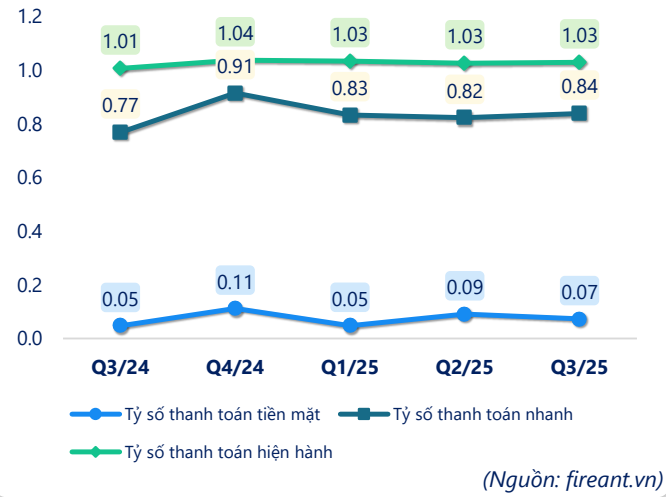
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



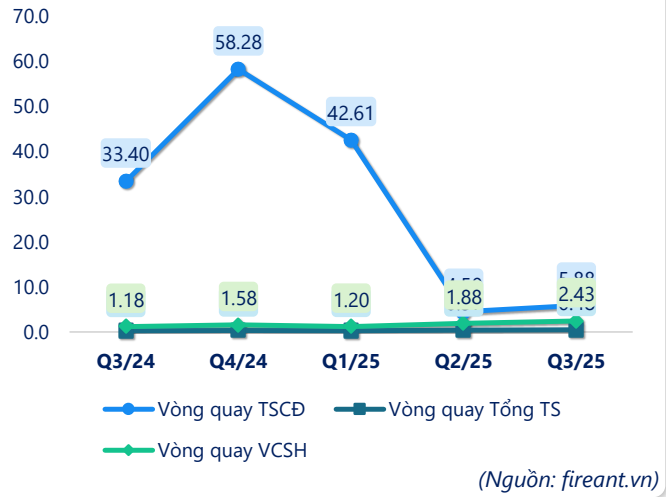
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**751**	**683**	**687**	**801**	**775**
Tài sản ngắn hạn	**606**	**555**	**558**	**672**	**644**
Tiền và tương đương tiền	28.4	59.8	25.8	59.3	45.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.8	10.8	10.8	10.8	10.8
Phải thu ngắn hạn	395	399	389	444	445
Hàng tồn kho	143	65.6	109	133	119
Tài sản ngắn hạn khác	27.7	19.5	24.0	24.1	23.0
Tài sản dài hạn	**145**	**128**	**128**	**130**	**131**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	5.92	4.34	4.33	116	118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	124	122	123	9.25	9.39
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	1.42	1.33	4.15	4.23
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**602**	**535**	**540**	**655**	**625**
Nợ ngắn hạn	**602**	**535**	**540**	**655**	**625**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	305	287	302	386	352
Phải trả người bán ngắn hạn	78.7	86.4	51.7	75.0	95.0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**148**	**147**	**147**	**150**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**148**	**147**	**147**	**150**
Vốn điều lệ	100	100	100	100	100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)